

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XÍN MÀN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HS-ST
Ngày 12-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XÍN MÀN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bình.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Tải Sào Tin

2. Ông Nguyễn Đức Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Long Thị Hiên - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Xín Màn tỉnh Hà Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Màn, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Thanh Tiến, ông Sin Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xín Màn, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2023/TLST-HS, ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN D, sinh ngày 14/9/1985, tại xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi tạm trú: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1955 và bà Lê Thị T, sinh năm 1956 (Đã chết); Vợ: Phan Thị N, sinh năm 1987 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/6/2022 đến ngày 24/6/2023 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D:

Ông Đặng Hồng D1, sinh năm 1978 - Luật sư, thuộc Đoàn luật sư thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984 - Luật sư, thuộc Đoàn luật sư thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Bà Vũ Thị Bích N1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang, có mặt tại phiên tòa.

Chị Phan Thị N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang, có mặt tại phiên tòa.

Ông Trần Đức T2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ A, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2021 gia đình bị cáo Nguyễn Văn D thống nhất dùng số tiền tiết kiệm của gia đình 1.600.000.000 đồng để mua đất tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong khi tìm mua đất bị cáo Nguyễn Văn D đã tiêu dùng cá nhân hết tiền. Sợ bị vợ và gia đình phát hiện bị cáo Nguyễn Văn D nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mọi người tin rằng mình đã mua được đất. Bị cáo Nguyễn Văn D vào mạng Internet tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Bị cáo Nguyễn Văn D sử dụng tài khoản Facebook với tên là "Thuận Thịnh" để giao dịch. Bị cáo D tìm được một người tên là C (không rõ lai lịch, địa chỉ) để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá là 4.500.000 đồng. Khoảng hai tuần từ ngày bị cáo Nguyễn Văn D chuyển tiền cho người đàn ông có tên là C thì bị cáo nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 853306, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 10, địa chỉ Phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sổ vào sổ cấp GCN: CS00618 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp ngày 04/5/2021 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Nguyễn Văn D, năm sinh 1985, CMND số 135526210 và bà Phan Thị N, năm sinh 1987, CMND số 135304807 có cùng địa chỉ thường trú: Thôn V, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo Nguyễn Văn D khai: Ngày 29/12/2021 do cần tiền làm ăn bị cáo có gọi điện và thỏa thuận vay bà Vũ Thị Bích N1 300.000.000 đồng. Do trước đó bị cáo còn nợ bà N1 330.000.000 đồng, bà N1 yêu cầu bị cáo D phải có tài sản cầm cố hoặc thế chấp thì bà N1 mới cho vay tiền. Bị cáo Nguyễn Văn D đã nảy sinh ý định dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả giao dịch với bà N1 để vay tiền. Bị cáo đang phải cách ly do bị nhiễm covid-19 nên bị cáo bảo vợ là Phan Thị N cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà bà N1 để giao dịch vay tiền. Khoảng 10 giờ 00 ngày 30/12/2021 chị Phan Thị N đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nhà bà N1 ở Tổ A, thị trấn C, huyện X để làm giao dịch vay tiền theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Văn D.

Bà Vũ Thị Bích N1 khai: Ngày 30/12/2021 vợ bị cáo Nguyễn Văn D là Phan Thị N đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 853306 đến nhà bà N1 làm giao dịch mua bán chuyển nhượng. Hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 01 tỷ đồng và có chữ ký của các bên. Sau khi các bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng bà Vũ Thị Bích N1 nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Phan Thị N mang đến làm giao dịch là giả nên đã đến cơ quan chức năng để tố giác, đồng thời giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại kết luận giám định số 167/KL-KTHS ngày 10/5/2022 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CX 853306 là giả.

Đối với hành vi của Phan Thị N là người trực tiếp mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà bà Vũ Thị Bích N1 để vay tiền, bản thân Phan Thị N không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả. Phan Thị N thực hiện việc giao dịch với bà N1 theo sự chỉ đạo của Nguyễn Văn D là ngay tình. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện X sau khi thu thập tài liệu, chứng cứ không có căn cứ để kết luận Phan Thị N là đồng phạm, do đó không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phan Thị N.

Vật chứng thu giữ:

01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 853306 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 04/5/2021 mang tên Nguyễn Văn D và Phan thị N2.

01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

01 giấy biên nhận lập ngày 30/12/2021.

01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy A22.

01 quyển sổ bìa màu vàng có chữ Hải Tiên.

01 quyển sổ bìa màu trắng, xanh, đỏ.

01 chùm chìa khóa kết sắt gồm 03 chìa khóa 4 cạnh.

01 kết sắt màu xám, vàng, nhãn hiệu KAIO Trường Phát (Kết sắt cũ đã qua sử dụng).

Vật chứng đã xử lý:

Ngày 23/9/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện X ra quyết định xử lý vật chứng số 07, trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy A22; 01 quyển sổ bìa màu vàng có chữ Hải Tiên; 01 quyển sổ bìa màu trắng, xanh, đỏ; 01 chùm chìa khóa kết sắt gồm 03 chìa khóa 4 cạnh; 01 kết sắt màu xám, vàng, nhãn hiệu KAIO Trường Phát (Kết sắt cũ đã qua sử dụng).

Với hành vi nêu trên, ngày 03/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang ra bản Cáo trạng số 10/CT-VKS truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang phát biểu lời luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 tháng 21 ngày tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 853306 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 04/5/2021 mang tên Nguyễn Văn D và Phan Thị N.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần truy tố đối bị cáo Nguyễn Văn D và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng với thực tế, không oan.

Bị cáo Nguyễn Văn D nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xín Mần, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo và người làm chứng tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày 26/9/2023 bị cáo bị ốm không đi lại được, có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D có đơn xin hoãn phiên tòa do đang phải tham gia bào chữa cho một vụ án khác không thể có mặt để tham gia xét xử được. Tại phiên tòa ngày hôm nay luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa do đang phải tham gia bào chữa cho một vụ án khác. Người làm chứng ông Trần Đức T2 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong điều tra đã thu thập được lời khai của người làm chứng, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lại lời khai của người làm chứng. Người bào chữa cho bị cáo đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 291, Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh V. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và kết luận của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Văn D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước về tài liệu, xâm phạm lợi ích của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật, nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo đã làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cơ quan Nhà nước. Do đó, cần phải xử lý bị cáo với một mức án đủ nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo, ông Nguyễn Việt H được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xem xét đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[8] Nhân thân bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn D có nhân thân tốt.

[9] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và đủ nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Trước đây bị cáo làm nghề lái xe nhưng công việc không ổn định, thu nhập thấp, bị cáo là lao động chính phải nuôi 03 con còn nhỏ, vợ bị cáo hiện đang có thai nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

[11] *Vật chứng đã xử lý*: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã trả cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy A22; 01 quyển sổ bìa màu vàng có chữ Hải Tiến; 01 quyển sổ bìa màu trắng, xanh, đỏ; 01 chùm chìa khóa kết sắt gồm 03 chìa khóa 4 cạnh; 01 kết sắt màu xám, vàng, nhãn hiệu KAIO Trường Phát (Kết sắt cũ đã qua sử dụng). Bị cáo không có ý kiến gì về việc trả lại vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] *Vật chứng chưa xử lý*: Đối với giấy tờ giả là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 853306 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 04/5/2021 mang tên Nguyễn Văn D và Phan thị N2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[13] Xét lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa ngày bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[14] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 106, khoản 1 Điều 134, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 290, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 1 Điều 341; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 6; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 12 (Mười hai) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù, được khấu trừ số ngày giam giữ là 12 tháng 27 ngày tù. Thời hạn tù bằng thời hạn giam giữ, bị cáo Nguyễn Văn D đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 853306 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 04/5/2021 mang tên Nguyễn Văn D và Phan Thị N.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Xín Mần;
- Công an huyện Xín Mần;
- THADS huyện Xín Mần;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bình